

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2022

*V/v “Tranh chấp về chia tài sản của
nam, nữ chung sống với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Kiên

2. Bà Huỳnh Thị Phương Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 50/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp về chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị K, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Tổ 19, ấp S, xã PĐ, huyện G, tỉnh T;

Tạm trú: Tổ 24, ấp C, xã PĐ, huyện G, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị K: Luật sư Trần Minh Tuấn – Văn phòng Luật sư Trần Minh Tuấn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh V, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 19, ấp S, xã PĐ, huyện G, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn D, sinh năm 1939

2. Bà Đặng Thị M, sinh năm 1943

Cùng địa chỉ: Tổ 19, ấp S, xã PĐ, huyện G, tỉnh T.

Ông D ủy quyền cho bà M theo văn bản ủy quyền ngày 11-3-2021.

3. Anh Lê Hoài P, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 19, ấp S, xã PĐ, huyện G, tỉnh T;
Tạm trú: Ấp TL, xã BĐ, huyện HM, Thành phố H.

4. Anh Lê Hoài N, sinh năm 2001

Địa chỉ: Tổ 19, ấp S, xã PĐ, huyện G, tỉnh T;
Tạm trú: Nhà trọ Phương Thúy, ấp PB, xã PĐ, huyện G, tỉnh T.

5. Chị Trương Nguyễn Việt Th, sinh năm 1999

Địa chỉ: Ấp TB, xã Tr, huyện Du, tỉnh T.
Tạm trú: Nhà trọ Phương Thúy, ấp PB, xã PĐ, huyện G, tỉnh T.

6. Anh Trần Thanh Ph, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp X, xã TP, huyện G, tỉnh T.
Tạm trú: Ấp PB, xã PĐ, huyện G, tỉnh T.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-01-2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Đặng Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh V chung sống với nhau từ năm 1990, có qua tìm hiểu nhau được vài tháng. Anh chị chung sống không có tổ chức đám cưới, đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân do không hiểu biết về pháp luật.

Khi chung sống với nhau, anh chị sống chung với cha mẹ chồng khoảng 01 năm, sau đó ra riêng tại phần đất của cha mẹ chồng cho tại ấp S, xã PĐ, huyện G, tỉnh T đến nay. Trong thời gian chung sống, chị và anh V thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nhưng mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ năm 2020, nguyên nhân do anh V thường xuyên nghi ngờ, ghen tuông vô cớ, kiếm chuyện gây sự, chửi mắng và đánh đập chị. Chị đã giải thích và khuyên can nhiều lần nhưng anh V không nghe mà còn kiếm chuyện với chị nhiều hơn. Ngày 11-12-2020, sau khi bị anh V đánh, chị về nhà cha mẹ ruột chị tại ấp C, xã PĐ, huyện G, tỉnh T ở nên chị và anh V sống ly thân cho đến nay.

Về hôn nhân, chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh V là vợ chồng.

Về nuôi con: Chị và anh V có 02 người con chung tên Lê Hoài P, sinh năm 1993 và Lê Hoài N, sinh năm 2001. Hiện hai con đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị chung sống có tài sản chung gồm:

- Phần đất diện tích 483,1 m² thuộc thửa đất số 179, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01775(CN) cấp ngày 01-6-2012 do chị và anh V đứng tên;

- Phần đất tổng diện tích 4.925,1 m² thuộc các thửa đất số 466, tờ bản đồ số 7, thửa đất số 15, 31 tờ bản đồ số 14, thửa đất số 19 và 33 tờ bản đồ số 15 tọa

lạc tại ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07815 cấp ngày 10-5-2019 do chị và anh V đứng tên;

- Phần đất diện tích 6.760,8 m² thuộc các thửa đất số 392, 409 tờ bản đồ số 7 và thửa 105, 115 tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08801 cấp ngày 12-11-2019 do chị và anh V đứng tên.

- 01 căn nhà và công trình phụ được xây dựng trên phần đất tọa lạc tại ấp Suối Cao A, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh do bà Đặng Thị M đứng tên.

- 01 xe SH biển kiểm soát mang số 70F1-385.32 do anh V đứng tên, giấy xe hiện anh V đang giữ nhưng xe do chị quản lý.

- 01 xe máy cày hiệu Isaki, hiện anh V đang quản lý.

Ngoài ra, chị và anh V không còn tài sản chung nào khác. Về tài sản chung, chị rút lại yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết, để chị và anh V tự thỏa thuận.

Về tài sản riêng: Phần đất diện tích 5.400 m² thuộc thửa đất số 390, 621, 622, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02962 cấp ngày 29-10-2004 do chị đứng tên. Chị cũng không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh V không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-02-2021, ngày 01-3-2022 và trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Lê Thanh V trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị K là đúng. Anh và chị K chung sống từ năm 1990 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh và chị K chung sống không có phát sinh mâu thuẫn gì. Khoảng tháng 11-2020, anh nhìn thấy chị K từ trong nhà nghỉ đi ra bị anh bắt quả tang, sau đó chị K nộp đơn ly hôn. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con: Anh và chị K có 02 người con chung như chị K trình bày là đúng. Con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động, tự sinh sống được nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ngoài những tài sản chung mà chị K trình bày thì anh và chị K còn có tài sản chung là:

- Phần đất diện tích 5.400 m² thuộc thửa đất số 390, 621, 622, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh do cha mẹ vợ cho anh chị. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02962 cấp ngày 29-10-2004 do chị Đặng Thị K đứng tên.

- 01 ô tô Toyota Altis biển kiểm soát mang số 70A-110.78 mua lại năm 2020 do chị K đứng tên, do anh Trần Thanh Ph đang quản lý. Anh yêu cầu anh Phong trả lại chiếc xe ô tô Altis để vợ chồng anh chia tài sản chung;

- Số tiền 400.000.000 đồng tiền bán phần đất mà anh được cha mẹ cho tại ấp Trảng Sa, xã Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi bán đất

được số tiền 890.000.000 đồng, 01 phần mua lại phần đất khác còn 01 phần (tức là 400.000.000 đồng) giao cho chị K giữ từ năm 2019;

- Số tiền 48.000.000 đồng hót dây hụi 2.000.000 đồng/tháng khui ngày 10 tây hàng tháng do ông 7 Đức làm chủ thảo, mỗi tháng do anh đóng, cũng có khi chị K đóng nhưng phần anh đóng là nhiều hơn. Tiền hụi giao ngày 19-02-2021 do chị K nhận;

- Vàng: 01 bộ simen 32 chiếc 14 chỉ vàng 18K, 01 lắc tay 03 chỉ vàng 18K, 01 sợi dây 02 chỉ vàng 18K, 01 bông tai 02 chỉ vàng 18K, 04 khâu 04 chỉ (mỗi khâu 01 chỉ) vàng 18K. Hiện toàn bộ số vàng này do chị K giữ khi bỏ nhà đi.

Về tài sản chung anh yêu cầu chia đôi. Những tài sản nào chị K đang giữ thì anh yêu cầu được nhận giá trị, còn đối với quyền sử dụng đất thì anh yêu cầu chia đất.

Đối với 01 chiếc xe máy cày và 1,2 lượng vàng 9999 anh không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-3-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Mh đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn D trình bày:

Trước đây vợ chồng bà có cho anh V và chị K ở nhờ trên phần đất diện tích khoảng ngang 10 m x dài 50 m tọa lạc tại ấp Suối Cao A, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00661 cấp ngày 23-12-1993. Nay chị K và anh V ly hôn, bà yêu cầu chị K và anh V di dời nhà và trả đất lại cho vợ chồng bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08-3-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoài P trình bày:

Cha mẹ anh là Lê Thanh V và Đặng Thị K có cho anh 1,2 lượng vàng 24K để sau này cưới vợ, hiện số vàng này anh đang giữ. Nay cha anh yêu cầu chia tài sản chung của cha mẹ là 1,2 lượng vàng 24K này anh không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08-3-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoài N trình bày:

Mẹ anh là Đặng Thị K có đứng tên dùm cho vợ chồng anh 01 (một) dây hụi 2.000.000 đồng/tháng do ông 7 Đức làm chủ hụi. Hụi gồm 26 phần, vợ chồng anh tham gia 01 phần. Ngày 18-02-2021, anh hót hụi được số tiền 48.000.000 đồng. Nay cha anh yêu cầu chia tài sản chung của cha mẹ là số tiền 48.000.000 đồng, anh không đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 08-3-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Nguyễn Việt Th trình bày:

Mẹ chồng chị là Đặng Thị K có đứng tên dùm cho vợ chồng chị 01 (một) dây hụi 2.000.000 đồng/tháng do ông 7 Đức làm chủ hụi. Hụi gồm 26 phần, vợ chồng chị tham gia 01 phần. Ngày 18-02-2021, vợ chồng chị hót hụi được số tiền 48.000.000 đồng. Nay anh V yêu cầu chia tài sản chung của cha mẹ là số tiền 48.000.000 đồng, chị không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04-3-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh Ph trình bày:

Nguồn gốc xe ô tô Altis biển kiểm soát mang số 70A-110.78 do anh mua lại của anh Mai Văn Cẩm vào ngày 12-5-2020, với giá 295.000.000 đồng. Do vợ chồng anh ly hôn đã lâu nhưng hộ khẩu của anh vẫn còn ở chung nhà vợ nên anh có nhờ chị K đứng tên người sở hữu xe dùm anh. Từ ngày mua xe đến nay, xe vẫn do anh trực tiếp quản lý và sử dụng làm phương tiện đi lại. Trước khi anh và anh V xảy ra mâu thuẫn thì xe anh để nhờ nhà anh V, nhưng từ khi xảy ra mâu thuẫn thì anh V đã yêu cầu anh mang xe đi gửi nơi khác. Anh V yêu cầu anh trả lại xe để anh V và chị K chia tài sản chung, anh không đồng ý vì xe này là tài sản của anh.

Tại phiên tòa, anh V rút đơn khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung để anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Riêng đối với tiền mặt 200.000.000 đồng, chị K và anh V thống nhất là tài sản chung, chị K đồng ý giao lại cho anh V số tiền 100.000.000 đồng và yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà M rút đơn khởi kiện đối với yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất diện tích 506,8 m² thuộc thửa đất số 206, tờ bản đồ số 33 (thuộc thửa 538, tờ bản đồ số 5 BD 299) tọa lạc tại ấp Suối Cao A, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thị Kem, Luật sư Trần Minh Tuấn ý kiến:

Về hôn nhân: Chị K và anh V chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị K và anh V là vợ chồng.

Về tài sản chung: Chị K và anh V chung sống có tài sản chung, nhưng tại phiên tòa anh V đã đồng ý rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung. Riêng đối với số tiền 100.000.000 đồng mà chị K đồng ý giao lại cho anh V nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, chị K đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, còn anh A thì chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K, không công nhận chị K và anh V là vợ chồng;

Về con chung: Chị K và anh V có 02 người con chung tên Lê Hoài P, sinh năm 1993 và Lê Hoài N, sinh năm 2001. Hiện cả hai đều đã thành niên và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của chị

K và anh V. Riêng đối với số tiền 200.000.000 đồng là tài sản chung, chị K đồng ý giao lại cho anh V số tiền 100.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị M và ông Lê Văn D.

Về nợ chung: Anh chị khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đặng Thị K và anh Lê Thanh V là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Mặc dù chị K và anh V có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị K và anh V.

[2] Về nuôi con: Anh chị có 02 người con chung là Lê Hoài P, sinh năm 1993 và Lê Hoài N, sinh năm 2001. Hiện anh P và anh N đều đã thành niên và có khả năng lao động, tự sinh sống được, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[3] Về chia tài sản:

[3.1] Theo đơn khởi kiện, chị K yêu cầu chia tài sản chung bao gồm:

1. Phần đất diện tích 483,1 m² thuộc thửa đất số 179, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01775(CN) cấp ngày 01-6-2012 do chị K và anh V đứng tên;

2. Phần đất tổng diện tích 4.925,1 m² thuộc các thửa đất số 466, tờ bản đồ số 7, thửa đất số 15, 31 tờ bản đồ số 14, thửa đất số 19 và 33 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07815 cấp ngày 10-5-2019 do chị K và anh V đứng tên;

3. Phần đất diện tích 6.760,8 m² thuộc các thửa đất số 392, 409 tờ bản đồ số 7 và thửa 105, 115 tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08801 cấp ngày 12-11-2019 do chị K và anh V đứng tên;

4. Phần đất diện tích 5.400 m² thuộc thửa đất số 390, 621, 622, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02962 cấp ngày 29-10-2004 do chị K đứng tên;

5. 01 (một) căn nhà và công trình phụ được xây dựng trên phần đất tọa lạc tại ấp Suối Cao A, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh do bà Đặng Thị M đứng tên;

6. 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda SH-mode biển kiểm soát mang số 70F1-385.32 do anh V đứng tên;

7. 01 (một) xe máy cày hiệu Isaki, không có giấy.

Ngày 08-02-2022, chị K rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung và được Tòa án chấp nhận nên Hội đồng xét xử căn đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-02-2021, ngày 01-3-2022 anh V yêu cầu chia tài sản chung gồm:

1. Phần đất diện tích 483,1 m² thuộc thửa đất số 179, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01775(CN) cấp ngày 01-6-2012 do chị K và anh V đứng tên;

2. Phần đất tổng diện tích 4.925,1 m² thuộc các thửa đất số 466, tờ bản đồ số 7, thửa đất số 15, 31 tờ bản đồ số 14, thửa đất số 19 và 33 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07815 cấp ngày 10-5-2019 do chị K và anh V đứng tên;

3. Phần đất diện tích 6.760,8 m² thuộc các thửa đất số 392, 409 tờ bản đồ số 7 và thửa 105, 115 tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08801 cấp ngày 12-11-2019 do chị K và anh V đứng tên;

4. Phần đất diện tích 5.400 m² thuộc thửa đất số 390, 621, 622, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02962 cấp ngày 29-10-2004 do chị K đứng tên;

5. 01 (một) căn nhà và công trình phụ tổng diện tích 506,8 m² được xây dựng trên phần đất thuộc thửa số 206, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại ấp Suối Cao A, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh do bà Đặng Thị M đứng tên;

6. 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda SH Mode biển kiểm soát mang số 70F1-385.32 do anh V đứng tên;

7. 01 (một) ô tô hiệu Toyota Altis biển kiểm soát mang số 70A-110.78 do chị K đứng tên.

8. Số tiền 400.000.000 đồng;

9. Số tiền hốt hụi 48.000.000 đồng;

10. Vàng: 1,2 lượng vàng 9999, 01 bộ simen (gồm 32 chiếc) trọng lượng 14 chỉ vàng 18K, 01 lắc tay trọng lượng 03 chỉ vàng 18K, 01 sợi dây trọng lượng 02 chỉ vàng 18K, 01 bông tai trọng lượng 02 chỉ vàng 18K, 04 khâu trọng lượng 04 chỉ (mỗi khâu 01 chỉ) vàng 18K.

Tại phiên tòa, anh V tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử căn đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.3] Tại phiên tòa, chị K thừa nhận tài sản chung của vợ chồng có số tiền

200.000.000 đồng do chị K giữ. Chị K đồng ý giao lại cho anh V số tiền 100.000.000 đồng và chị K, anh V đều yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận theo quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nợ chung: Anh chị khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[5] Đối với yêu cầu độc lập của bà Minh và ông Dón:

Tại đơn khởi kiện, bà M và ông D yêu cầu chị K, anh V di dời nhà, công trình trên đất và trả lại phần đất diện tích 506,8 m² thửa đất số 206, tờ bản đồ số 33 (thửa 538, tờ bản đồ số 5 – BĐ 299), tọa lạc tại ấp Suối Cao B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Tại phiên tòa, bà M tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà M, ông D theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Đối với lời trình bày của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Luật sư Trần Minh Tuấn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[8] Về chi phí tố tụng khác: Chị K phải chịu 14.500.000 đồng, anh Vũ phải chịu 14.100.000 đồng, bà Minh và ông D phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định tại các điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Về án phí: Chị K phải chịu án phí ly hôn, chị K và anh V đều phải chịu án phí về chia tài sản theo quy định tại khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 157, 165, 217, 244 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 14, 53, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị K đối với anh Lê Thanh V. Không công nhận chị Đặng Thị K và anh Lê Thanh V là vợ chồng.

2. *Về nuôi con*: Anh chị có 02 người con chung là Lê Hoài P, sinh năm 1993 và Lê Hoài N, sinh năm 2001 đều đã thành niên và có khả năng lao động, tự sinh sống được. Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị K và anh V đối

với yêu cầu chia tài sản chung.

Chị K thừa nhận tài sản chung của vợ chồng có số tiền 200.000.000 đồng do chị K giữ. Ghi nhận chị K đồng ý giao lại cho anh V số tiền 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị M và ông Lê Văn D đối với yêu cầu đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 506,8 m² thửa đất số 206, tờ bản đồ số 33 (thửa 538, tờ bản đồ số 5 – BD 299), tọa lạc tại ấp Suối Cao B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. *Về nợ chung*: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

6. *Về chi phí tố tụng khác*: Chị K phải chịu 14.500.000 (Mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng, anh V phải chịu 14.100.000 (Mười bốn triệu một trăm nghìn) đồng, bà M và ông D phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ghi nhận các đương sự đã nộp xong.

7. *Về án phí*: Chị K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và 5.000.000 (Năm triệu) đồng án phí chia tài sản. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 15.400.000 (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012776 ngày 02-02-2021 và 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012796 ngày 01-3-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Hoàn trả cho chị K số tiền 12.600.000 (Mười hai triệu sáu trăm nghìn) đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh V phải chịu 5.000.000 (Năm triệu) đồng án phí chia tài sản. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 11.375.000 (Mười một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012791 ngày 25-02-2021 và 10.000.000 (Mười triệu) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0024029 ngày 01-3-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Hoàn trả cho anh V số tiền 16.375.000 (Mười sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà M và ông D được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯỜNG